Chi tiết mã HS 2939.49.00

Mã HS	2939.49.00
Mô tả hàng hóa	Alkaloit, tự nhiên hoặc tái tạo bằng phương pháp tổng hợp, và các muối, ete, este và các dẫn xuất khác của chúng / - Alkaloit của ephedra và dẫn xuất của chúng; muối của chúng: / - - Loại khác
Đơn vị	kg/lít
Thời điểm tạo	10/11/2026 07:04:06
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/29394900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4457
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4457
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4457
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4415
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4376
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4376
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4376
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4376
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4376
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4376
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4414
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4414

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4414
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4414
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4414
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4414
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4418
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4418
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4418
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4418
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4418
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4418
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4418
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4382
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4378
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4378
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4378
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4378
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4378
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4378
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4378
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4378
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4378
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4378
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4378
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4378
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4425
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4425

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4425
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4425
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4425
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4425
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4422
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4422
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4422
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4422
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4422
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4422
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4430
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4430
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4430
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4430
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4430
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4430
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4401
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4401
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4401
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4401
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4401
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4401
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4403
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4403
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4403
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4403

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4403
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4403
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4401
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4401
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4401
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4401
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4401
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4401
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4401
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4422
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4422
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4422
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4422
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4422
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4422
RCEP B	2022	2022	0	B!D4422
RCEP B	2023	2023	0	B!E4422
RCEP B	2024	2024	0	B!F4422
RCEP B	2025	2025	0	B!G4422
RCEP B	2026	2026	0	B!H4422
RCEP B	2027	2027	0	B!I4422
RCEP C	2022	2022	0	C!D4422
RCEP C	2023	2023	0	C!E4422
RCEP C	2024	2024	0	C!F4422
RCEP C	2025	2025	0	C!G4422
RCEP C	2026	2026	0	C!H4422

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I4422
RCEP D	2022	2022	0	D!D4422
RCEP D	2023	2023	0	D!E4422
RCEP D	2024	2024	0	D!F4422
RCEP D	2025	2025	0	D!G4422
RCEP D	2026	2026	0	D!H4422
RCEP D	2027	2027	0	D!I4422
RCEP E	2022	2022	0	E!D4425
RCEP E	2023	2023	0	E!E4425
RCEP E	2024	2024	0	E!F4425
RCEP E	2025	2025	0	E!G4425
RCEP E	2026	2026	0	E!H4425
RCEP E	2027	2027	0	E!I4425
RCEP F	2022	2022	0	F!D4422
RCEP F	2023	2023	0	F!E4422
RCEP F	2024	2024	0	F!F4422
RCEP F	2025	2025	0	F!G4422
RCEP F	2026	2026	0	F!H4422
RCEP F	2027	2027	0	F!I4422
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4070
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4070
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4070
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4070

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	NL làm thuốc XK, NK là tiền chất dùng làm thuốc (09/2024/TT-BYT-DM4)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 2939.49.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 2939.49.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2939.49.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2939.49.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4457), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
NL làm thuốc XK, NK là dược chất và BTP thuốc (09/2024/TT-BYT-DM7)
NL làm thuốc XK, NK là tiền chất dùng làm thuốc (09/2024/TT-BYT-DM4)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.